

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

11802-  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
GOLDEN GATE  
VIỆT NAM  
HỒ HỒ

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47

11802-  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
GOLDEN GATE  
VIỆT NAM  
HỒ HỒ

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 74 được cấp ngày 6 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống.

Công ty có trụ sở chính tại số 60, phố Giang Văn Minh, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 7 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Trung	Chủ tịch
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Tường	Thành viên
Ông Dickson Loo	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Thế Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tường	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Thế Vinh, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt ban Tổng giám đốc:

  
Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn



Số tham chiếu: 11540790/69536975

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hoàng Linh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2026-004-1

Lê Hồng Vân  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.155.705.833.588</b>	<b>1.884.424.344.110</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>138.330.609.788</b>	<b>237.379.919.439</b>
111	1. Tiền		80.290.686.398	175.379.919.439
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.039.923.390	62.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>870.551.792.651</b>	<b>568.976.653.910</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	870.551.792.651	568.976.653.910
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>370.582.840.280</b>	<b>228.371.242.094</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	108.867.653.733	70.753.141.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	130.058.674.800	69.388.088.071
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	29.222.360.946	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	104.565.875.522	87.749.337.793
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.756.281.214)	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		624.556.493	480.674.358
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>720.169.266.801</b>	<b>785.644.115.237</b>
141	1. Hàng tồn kho		720.169.266.801	785.644.115.237
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>56.071.324.068</b>	<b>64.052.413.430</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	56.071.324.068	64.052.413.430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.568.880.031.144</b>	<b>1.604.157.795.625</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>201.953.176.572</b>	<b>266.715.384.528</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	28	3.320.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	198.633.176.572	266.715.384.528
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>149.243.792.894</b>	<b>178.913.312.534</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	99.872.829.360	118.643.169.401
222	Nguyên giá		447.756.852.437	449.198.630.976
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(347.884.023.077)	(330.555.461.575)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	49.370.963.534	60.270.143.133
228	Nguyên giá		144.731.857.047	130.609.749.856
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(95.360.893.513)	(70.339.606.723)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>13.597.396.551</b>	<b>238.109.778.654</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	13.597.396.551	238.109.778.654
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>593.666.563.299</b>	<b>358.280.953.214</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		684.049.234.716	377.964.707.345
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.200.000.000	7.200.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(97.582.671.417)	(26.883.754.131)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>610.419.101.828</b>	<b>562.138.366.695</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	608.691.301.828	560.073.166.695
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.727.800.000	2.065.200.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.724.585.864.732</b>	<b>3.488.582.139.735</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.074.229.007.629</b>	<b>2.038.227.678.855</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.833.415.150.934</b>	<b>1.861.789.791.249</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	284.796.863.100	339.837.362.190
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.071.659.850	5.754.026.885
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	76.553.482.981	53.322.133.383
314	4. Phải trả người lao động		205.653.516.066	214.525.400.422
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	96.443.862.761	129.521.750.348
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	9.188.450.000	12.165.580.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	63.763.444.700	11.077.093.871
320	8. Vay ngắn hạn	19	1.090.943.871.476	1.095.586.444.150
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>240.813.856.695</b>	<b>176.437.887.606</b>
338	1. Vay dài hạn	19	239.373.626.195	176.437.887.606
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.440.230.500	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.650.356.857.103</b>	<b>1.450.354.460.880</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.650.356.857.103</b>	<b>1.450.354.460.880</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		77.933.140.000	77.933.140.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		77.933.140.000	77.933.140.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(118.126.695.110)	(118.126.695.110)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(100.840.000)	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.690.651.252.213	1.490.548.015.990
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.490.548.015.990	1.379.620.040.933
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		200.103.236.223	110.927.975.057
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.724.585.864.732</b>	<b>3.488.582.139.735</b>

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Trà  
Người lập

Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng

  
Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc

JẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	7.645.012.950.563	6.949.885.409.149
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(1.960.738.655)	(1.046.274.405)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	7.643.052.211.908	6.948.839.134.744
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(3.357.731.741.877)	(2.951.385.259.881)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.285.320.470.031	3.997.453.874.863
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	61.903.419.329	26.775.375.889
22	7. Chi phí tài chính	23	(160.180.343.337)	(53.790.601.412)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(75.508.482.528)	(43.179.684.069)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(3.443.554.047.577)	(3.408.319.683.339)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(497.140.446.669)	(447.975.298.122)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		246.349.051.777	114.143.667.879
31	11. Thu nhập khác	25	23.743.277.663	36.050.226.231
32	12. Chi phí khác	25	(17.499.053.346)	(12.357.023.466)
40	13. Lợi nhuận khác	25	6.244.224.317	23.693.202.765
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		252.593.276.094	137.836.870.644
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(52.152.639.871)	(28.974.095.587)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(337.400.000)	2.065.200.000
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		200.103.236.223	110.927.975.057

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Trà  
 Người lập

Nguyễn Mạnh Đức  
 Kế toán trưởng

Đào Thế Vinh  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>252.593.276.094</b>	<b>137.836.870.644</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		70.288.925.644	74.908.311.412
03	Trích lập các khoản dự phòng		73.455.198.500	4.523.407.415
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		13.019.632.270	4.617.277.687
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(71.728.333.329)	(27.649.805.306)
06	Chi phí lãi vay	24	75.508.482.528	43.179.684.069
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>413.137.181.707</b>	<b>237.415.745.921</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(89.472.211.339)	(14.849.105.008)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		65.474.848.436	(237.441.036.333)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(7.759.975.124)	92.433.380.803
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		129.750.090.192	(3.609.735.234)
14	Tiền lãi vay đã trả		(75.655.448.759)	(43.039.296.649)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.555.465.584)	(37.329.788.608)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>405.919.019.529</b>	<b>(6.419.835.108)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(37.898.130.960)	(110.905.232.952)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.365.058.206	4.360.039.649
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.253.051.219.822)	(762.247.393.635)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		918.933.720.135	503.011.290.797
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(285.985.967.272)	(177.254.567.078)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.650.000.000	1.710.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.467.564.935	21.181.759.912
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(552.518.974.778)</b>	<b>(520.144.103.307)</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	572.570.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(100.840.000)	(42.260.000)
33	Tiền thu từ đi vay		2.243.467.536.181	2.104.640.072.295
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.195.796.042.266)	(1.531.967.462.137)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(97.460.203.275)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>47.570.653.915</b>	<b>475.742.716.883</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(99.029.301.334)</b>	<b>(50.821.221.532)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>237.379.919.439</b>	<b>288.109.905.794</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.008.317)	91.235.177
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>138.330.609.788</b>	<b>237.379.919.439</b>

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

  
Nguyễn Thị Thanh Trà  
Người lập

  
Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng

  
Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 74 được cấp ngày 6 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 60, phố Giang Văn Minh, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 7 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 13.266 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17.442).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 công ty con), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Golden Sakura	Hà Nội	100	100	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
2	Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Hà Nội	100	100	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
3	Công ty Cổ phần The Concept House	Hà Nội	78,84	78,84	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
4	Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân lực Golden Stars (i)	Hà Nội	100	100	Hoạt động nhà hàng, dịch vụ ăn uống và tư vấn việc làm
5	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate	Hà Nội	100	100	Sản xuất, chế biến thực phẩm và cho thuê nhà xưởng
6	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
7	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Hà Nội	79,9	79,9	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
8	Công ty TNHH Gather Village	Hà Nội	100	100	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
9	Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	Hà Nội	100	100	Thiết kế và xây dựng nhà hàng
10	Công ty TNHH Golden Gate International	Hà Nội	100	100	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
11	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	99,98	99,98	Mua bán xay xát, chế biến Cà Phê và trà, cung cấp dịch vụ quán Cà Phê
12	Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc (ii)	Hà Nội	100	100	Sản xuất, chế biến thực phẩm
13	Hello Vietnam Limited (i)	Kenya	100	100	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Công Vàng Vinh	Nghệ An	36	36	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống

- (i) Công ty sở hữu gián tiếp công ty con này qua công ty con khác.
- (ii) Các giao dịch mua cổ phần, góp vốn thành lập, nhận chuyển nhượng vốn góp liên quan đến các công ty con này được trình bày ở Thuyết minh số 13.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên cho hàng tồn kho tại các kho tập trung và kiểm kê định kỳ cho hàng tồn kho tại các nhà hàng để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ           | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng theo phương pháp giá bình quân gia quyền. |
| Hàng hóa   | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm quản lý	2 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

0811  
CÔNG  
TN  
ST &  
IẾT  
PHC

CHART

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê địa điểm, mặt bằng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng; và
- ▶ Các chi phí khác.

802  
TY  
HH  
YO  
NA  
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

UNG  
M  
CHÍNH

1

1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.14 Vốn góp của chủ sở hữu**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị phê duyệt thực hiện chi trả, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm công việc hoàn thành căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế so với chi phí dự kiến hoặc dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án.

*Doanh thu tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống với toàn bộ doanh thu trong năm phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	44.835.988	52.360.988
Tiền gửi ngân hàng	67.594.291.265	160.511.795.690
Tiền đang chuyển	12.651.559.145	14.815.762.761
Các khoản tương đương tiền (*)	58.039.923.390	62.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>138.330.609.788</u></b>	<b><u>237.379.919.439</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại và các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,4%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	870.551.792.651	870.551.792.651	568.976.653.910	568.976.653.910
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>870.551.792.651</b>	<b>870.551.792.651</b>	<b>568.976.653.910</b>	<b>568.976.653.910</b>

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại và các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 1,18%/năm đến 7,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1,5%/năm đến 6,6%/năm).

Một số khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi với tổng số tiền là 297.551.792.651 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20 và cho các khoản vay ngân hàng của công ty con.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu các khách hàng khác	62.445.593.385	63.834.685.566
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	46.422.060.348	6.918.456.306
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.867.653.733</b>	<b>70.753.141.872</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.756.281.214)	-

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán khác	108.537.859.914	69.113.600.632
- JBS Australia Pty Limited	18.441.494.277	1.345.536.900
- Các khoản trả trước khác	90.096.365.637	67.768.063.732
Trả trước cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	21.520.814.886	274.487.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.058.674.800</b>	<b>69.388.088.071</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay	15.738.519.532	11.173.818.905
Ký cược ký quỹ	73.798.736.234	13.289.502.288
Tạm ứng hoạt động cho nhân viên	8.302.116.127	6.125.371.092
Đặt cọc mua cổ phần	-	54.000.000.000
Phải thu khác	6.726.503.629	3.160.645.508
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>104.565.875.522</u></b>	<b><u>87.749.337.793</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>2.310.319.053</i>	<i>149.422.384</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>102.255.556.469</i>	<i>87.599.915.409</i>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc dài hạn	198.633.176.572	266.715.384.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>198.633.176.572</u></b>	<b><u>266.715.384.528</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	90.383.108.631	-	98.537.943.340	-
Nguyên vật liệu	486.242.232.307	-	548.624.368.936	-
Công cụ, dụng cụ	50.625.066.158	-	54.714.861.666	-
Thành phẩm	77.099.067.234	-	68.433.339.156	-
Hàng hóa	12.587.679.138	-	15.333.602.139	-
Hàng gửi bán	3.232.113.333	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>720.169.266.801</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>785.644.115.237</u></b>	<b><u>-</u></b>

Một số hàng tồn kho luân chuyển của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê trả trước	27.438.223.826	30.213.889.787
Công cụ, dụng cụ	13.101.127.346	22.106.007.741
Chi phí khác	15.531.972.896	11.732.515.902
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.071.324.068</u></b>	<b><u>64.052.413.430</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng	476.444.222.416	378.088.690.252
Công cụ, trang thiết bị	118.772.131.599	176.288.053.885
Chi phí khác	13.474.947.813	5.696.422.558
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>608.691.301.828</u></b>	<b><u>560.073.166.695</u></b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Số đầu năm	407.946.357.074	14.551.877.416	26.700.396.486	449.198.630.976
- Mua trong năm	27.296.637.707	-	227.606.188	27.524.243.895
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.720.412.991	1.313.900.000	-	3.034.312.991
- Thanh lý, nhượng bán	(30.314.291.243)	(1.686.044.182)	-	(32.000.335.425)
Số cuối năm	406.649.116.529	14.179.733.234	26.928.002.674	447.756.852.437
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	205.150.841.349	7.943.448.046	26.575.161.445	239.669.450.840
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	293.078.923.540	10.829.068.646	26.647.469.389	330.555.461.575
- Khấu hao trong năm	43.832.532.756	1.367.628.999	67.477.099	45.267.638.854
- Thanh lý, nhượng bán	(26.393.005.597)	(1.546.071.755)	-	(27.939.077.352)
Số cuối năm	310.518.450.699	10.650.625.890	26.714.946.488	347.884.023.077
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	114.867.433.534	3.722.808.770	52.927.097	118.643.169.401
Số cuối năm	96.130.665.830	3.529.107.344	213.056.186	99.872.829.360



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm quản lý</i>	<i>Nhãn hiệu</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	129.249.749.856	1.360.000.000	130.609.749.856
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	<u>14.122.107.191</u>	-	<u>14.122.107.191</u>
Số cuối năm	<u>143.371.857.047</u>	<u>1.360.000.000</u>	<u>144.731.857.047</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	30.936.300.995	1.310.000.000	32.246.300.995
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	69.028.773.390	1.310.833.333	70.339.606.723
- Hao mòn trong năm	<u>25.011.286.790</u>	10.000.000	<u>25.021.286.790</u>
Số cuối năm	<u>94.040.060.180</u>	<u>1.320.833.333</u>	<u>95.360.893.513</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>60.220.976.466</u>	<u>49.166.667</u>	<u>60.270.143.133</u>
Số cuối năm	<u>49.331.796.867</u>	<u>39.166.667</u>	<u>49.370.963.534</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	8.893.375.627	47.106.141.310
Chi phí nâng cấp, phát triển phần mềm	4.704.020.924	13.323.429.704
Chi phí xây dựng nhà hàng	-	177.680.207.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.597.396.551</u></b>	<b><u>238.109.778.654</u></b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (i)	301.007.347.119	-	282.767.347.119	-	(*)
Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc (i)	14.760.000.000	(48.934.530)	-	-	(*)
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên (ii)	-	-	40.067.819.800	(6.587.865.212)	(*)
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	19.760.000.000	(5.322.644.192)	19.760.000.000	(3.315.406.739)	(*)
Công ty Cổ phần The Concept House	7.489.800.000	(5.307.433.349)	7.489.800.000	(5.303.848.830)	(*)
Công ty Cổ phần Golden Sakura	5.979.740.426	(3.774.094.595)	5.979.740.426	(3.774.245.240)	(*)
Công ty TNHH Golden Gate Red Hots (iii)	6.471.057.640	(6.439.830.668)	4.900.000.000	(4.900.000.000)	(*)
Công ty TNHH Gather Village (iv)	3.000.000.000	(2.977.277.620)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	(*)
Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	3.000.000.000	-	3.000.000.000	(1.990.405)	(*)
Công ty TNHH Golden Gate International (v)	15.200.000.000	-	1.000.000.000	(397.705)	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN (vi)	297.381.289.531	(73.712.456.463)	-	-	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>684.049.234.716</b>	<b>(97.582.671.417)</b>	<b>377.964.707.345</b>	<b>(26.883.754.131)</b>	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
Công ty TNHH Công Vàng Vinh	7.200.000.000	-	7.200.000.000	-	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.200.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Công ty chưa thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty cổ phần được đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc các công ty được đầu tư là công ty trách nhiệm hữu hạn.

(i) Theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tách Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate bằng cách chuyển một phần vốn góp bằng tiền và tài sản của Công ty tại Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate để thành lập Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc. Tại ngày 25 tháng 2 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn thành lập 14.760.000.000 VND vào Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc, tương ứng với 100% vốn chủ sở hữu. Theo đó, từ ngày này, Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc là công ty con của Công ty.

Ngày 3 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 33.000.000.000 VND vào Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate theo Nghị quyết số 03-2/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 4 năm 2024.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (ii) Theo Nghị quyết số 07-4/2025/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc giảm vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên. Sau khi giảm vốn, giá trị vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên là 37.082.710.800 VND, chiếm 99,5% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên. Vào ngày 10 tháng 9 năm 2025, Công ty đã nhận lại khoản hoàn trả này từ Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên.
- Cũng theo Nghị quyết này, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp còn lại vào Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên do Công ty nắm giữ cho 2 cá nhân. Sau khi hoàn thành giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 25 tháng 9 năm 2025, Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên không còn là công ty con của Công ty.
- (iii) Ngày 17 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 1.571.057.640 VND vào Công ty TNHH Golden Gate Red Hots theo Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Quản trị.
- (iv) Theo Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 9 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc giải thể Công ty TNHH Gather Village. Công ty đang trong quá trình triển khai tất cả các công việc cần thiết theo quy định để giải thể công ty con.
- (v) Ngày 10 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 14.200.000.000 VND vào Công ty TNHH Golden Gate International theo Nghị quyết số 11-1/2024/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Quản trị.
- (vi) Theo Nghị quyết số 12-3/2024/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua 99,98% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN. Vào ngày 8 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua 40.840.283 cổ phần này với tổng giá phí 246.739.869.531 VND. Theo đó, từ ngày này, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN là công ty con của Công ty.
- Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua thêm 704.142 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN do công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu, với tổng giá phí là 7.041.420.000 VND. Sau khi thực hiện giao dịch này vào ngày 10 tháng 4 năm 2025, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN là 99,98%.
- Ngày 5 tháng 6 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN thông qua việc góp thêm 15.000.000.000 VND vào công ty này theo Nghị quyết số 7-3/2025/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Quản trị.
- Ngày 24 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN thông qua việc góp thêm 28.600.000.000 VND vào công ty này theo Nghị quyết số 6/2025/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kilcoy Pastoral Company Limited	20.697.558.045	20.697.558.045	4.380.789.241	4.380.789.241
Tập đoàn Cargill Meat Solutions	5.858.531.101	5.858.531.101	36.584.659.996	36.584.659.996
Phải trả ngắn hạn khác	257.826.581.328	257.826.581.328	285.270.988.894	285.270.988.894
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	414.192.626	414.192.626	13.600.924.059	13.600.924.059
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>284.796.863.100</b>	<b>284.796.863.100</b>	<b>339.837.362.190</b>	<b>339.837.362.190</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	22.085.564.971	309.604.791.263	(309.204.956.452)	22.485.399.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.470.207.713	52.152.639.871	(29.555.465.584)	51.067.382.000
Thuế thu nhập cá nhân	2.156.374.182	33.945.736.741	(33.794.229.282)	2.307.881.641
Các loại thuế khác	609.986.517	7.153.965.479	(7.071.132.438)	692.819.558
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.322.133.383</b>	<b>402.857.133.354</b>	<b>(379.625.783.756)</b>	<b>76.553.482.981</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng nhà hàng	52.361.298.539	79.167.103.892
Chi phí điện, nước	12.664.610.412	17.230.144.784
Chi phí thuê	9.505.239.532	14.338.856.191
Chi phí quảng cáo	6.667.901.261	9.477.579.022
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.244.813.017	9.308.066.459
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>96.443.862.761</b>	<b>129.521.750.348</b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu từ bán voucher	549.450.000	1.839.580.000
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	8.639.000.000	10.326.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.188.450.000</b>	<b>12.165.580.000</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và kinh phí công đoàn	58.103.364.207	3.676.074.223
Phải trả đồng phục	1.536.212.867	2.262.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.123.867.626	5.138.619.648
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.763.444.700</b>	<b>11.077.093.871</b>

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan  
(Thuyết minh số 28)

Phải trả ngắn hạn khác

-	179.171.020
63.763.444.700	10.897.922.851

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng ngắn hạn	984.178.754.736	984.178.754.736	2.756.683.720.018	(2.852.813.622.260)	-	888.048.852.494	888.048.852.494
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	111.407.689.414	111.407.689.414	243.173.047.216	(151.685.717.648)	-	202.895.018.982	202.895.018.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.095.586.444.150</b>	<b>1.095.586.444.150</b>	<b>2.999.856.767.234</b>	<b>(3.004.499.339.908)</b>	<b>-</b>	<b>1.090.943.871.476</b>	<b>1.090.943.871.476</b>
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngân hàng dài hạn	176.437.887.606	176.437.887.606	295.487.113.805	(243.173.047.216)	10.621.672.000	239.373.626.195	239.373.626.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.437.887.606</b>	<b>176.437.887.606</b>	<b>295.487.113.805</b>	<b>(243.173.047.216)</b>	<b>10.621.672.000</b>	<b>239.373.626.195</b>	<b>239.373.626.195</b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VAY (tiếp theo)

### 19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên HSBC Việt Nam	227.631.162.528	Thời hạn vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	(i)
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikombank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	221.844.020.506	Thời hạn vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	(i)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	189.734.214.137	Thời hạn vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân	(i)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	163.015.787.800	Thời hạn vay của từng khoản là 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	(ii)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	84.504.916.349	Thời hạn vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	(iii)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng	1.318.751.174	Thời hạn vay của từng khoản là 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	(ii)

**TỔNG CỘNG**  
**888.048.852.494**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có lãi suất từ 4,7%/năm đến 6,5%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn nêu trên được đảm bảo bằng:

- (i) Một số hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty;
- (ii) Một số hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty và cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của Golden Gate Partners, cổ đông lớn của Công ty;
- (iii) Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VAY (tiếp theo)

### 19.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam	(VND) 237.393.000.000	9.000.000	Thời hạn vay 60 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả hàng quý.	(iii)
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	126.398.584.000	4.792.000	Thời hạn vay 36 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả hàng quý.	(iii)
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên HSBC Việt Nam	78.477.061.177	-	Thời hạn vay 36 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả hàng quý.	(iv)

### TỔNG CỘNG

Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	202.895.018.982
Vay dài hạn	239.373.626.195

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay dài hạn ngân hàng có lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,6%/năm.

(iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay dài hạn nêu trên được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	77.603.070.000	(106.714.691.540)	(11.612.243.570)	1.477.055.710.933	1.436.331.845.823
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	110.927.975.057	110.927.975.057
- Cổ tức trả bằng tiền trong năm	-	-	-	(97.435.670.000)	(97.435.670.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(42.260.000)	-	(42.260.000)
- Phát hành cổ phiếu mới	378.570.000	-	-	-	378.570.000
- Tái phát hành cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ	-	(9.129.602.856)	9.323.602.856	-	194.000.000
- Hủy bỏ cổ phiếu	(48.500.000)	(2.282.400.714)	2.330.900.714	-	-
Số cuối năm	77.933.140.000	(118.126.695.110)	-	1.490.548.015.990	1.450.354.460.880
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	77.933.140.000	(118.126.695.110)	-	1.490.548.015.990	1.450.354.460.880
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	200.103.236.223	200.103.236.223
- Mua lại cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(100.840.000)	-	(100.840.000)
Số cuối năm	77.933.140.000	(118.126.695.110)	(100.840.000)	1.690.651.252.213	1.650.356.857.103

(\*) Theo Nghị quyết số 07-6/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 6 năm 2025, Công ty đã mua lại 10.457 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") của người lao động đã nghỉ việc từ ngày 2 tháng 6 năm 2024 đến ngày 1 tháng 6 năm 2025, trong đó có 10.084 cổ phiếu được mua lại với giá 10.000 VND/cổ phiếu, còn lại được mua lại với giá 0 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	2.300.000	2.300.000
Công ty TNHH Seletar Investments	1.539.608	1.539.608
SeaTown Private Capital Master Fund	768.431	768.431
Công ty TNHH Periwinkle	436.358	436.358
Ông Đào Thế Vinh	461.884	440.009
Ông Nguyễn Xuân Trường	449.629	849.629
Bà Bùi Thị Hồng Hạnh	400.000	-
Ông Trần Việt Trung	388.223	387.331
Các cổ đông khác	1.049.181	1.071.948
Cổ phiếu quỹ	(10.457)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.782.857</b>	<b>7.793.314</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	77.933.140.000	77.603.070.000
Vốn góp tăng trong năm	-	378.570.000
Vốn góp giảm trong năm	-	(48.500.000)
Số cuối năm	77.933.140.000	77.933.140.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>97.435.670.000</b>

**20.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022: 12.700 VND /cổ phiếu	-	97.460.203.275

**20.5 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>7.793.314</b>	<b>7.793.314</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>7.793.314</b>	<b>7.793.314</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.793.314	7.793.314
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(10.457)</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	(10.457)	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.782.857</b>	<b>7.793.314</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.782.857	7.793.314

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Doanh thu</b>	<b>7.645.012.950.563</b>	<b>6.949.885.409.149</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thực phẩm và đồ uống</i>	7.629.062.231.058	6.932.825.437.426
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.950.719.505	17.059.971.723
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(1.960.738.655)</b>	<b>(1.046.274.405)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.960.738.655)	(1.046.274.405)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.643.052.211.908</b>	<b>6.948.839.134.744</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	7.082.838.018.474	6.514.441.421.276
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	560.214.193.434	434.397.713.468

**21.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	28.032.265.562	24.223.318.053
Lãi từ thoái vốn Công ty con	32.804.402.422	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.066.751.345	2.552.057.836
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.903.419.329</b>	<b>26.775.375.889</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thực phẩm và đồ uống đã bán	3.341.781.022.372	2.934.325.288.158
Giá vốn dịch vụ cung cấp	15.950.719.505	17.059.971.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.357.731.741.877</b>	<b>2.951.385.259.881</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	75.508.482.528	43.179.684.069
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	70.698.917.286	4.523.407.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.972.943.523	5.994.944.928
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	92.565.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.180.343.337</b>	<b>53.790.601.412</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	1.236.751.905.475	1.226.308.398.381
Chi phí thuê cửa hàng	976.247.636.864	946.703.280.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.108.200.321	476.037.208.742
Phân bổ chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa	302.460.299.427	260.938.705.603
Vật liệu, công cụ dụng cụ	231.756.437.405	235.167.643.648
Chi phí quảng cáo	70.089.322.580	79.048.679.073
Khấu hao và hao mòn	38.973.966.927	44.563.291.479
Chi phí bán hàng khác	113.166.278.578	139.552.476.309
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.443.554.047.577</u></b>	<b><u>3.408.319.683.339</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	364.233.927.788	327.883.287.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.503.382.138	58.807.155.739
Khấu hao và hao mòn	30.396.294.157	28.984.737.277
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	43.006.842.586	32.300.117.327
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>497.140.446.669</u></b>	<b><u>447.975.298.122</u></b>

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>23.743.277.663</b>	<b>36.050.226.231</b>
Tài trợ từ các chiến dịch khuyến mãi của nhà cung cấp	8.627.001.120	17.574.970.405
Thu nhập từ nhượng quyền	1.829.580.048	1.782.551.095
Lãi do thanh lý tài sản	4.303.800.133	3.519.052.253
Thưởng doanh số từ nhà cung cấp	244.653.358	1.390.438.254
Thu nhập khác	8.738.243.004	11.783.214.224
<b>Chi phí khác</b>	<b>17.499.053.346</b>	<b>12.357.023.466</b>
Thanh lý công cụ dụng cụ	6.021.444.183	4.158.178.969
Tiền cọc không được hoàn lại	4.402.737.345	2.218.196.770
Chi phí khác	7.074.871.818	5.980.647.727
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>6.244.224.317</u></b>	<b><u>23.693.202.765</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu	2.680.690.172.150	2.409.024.825.980
Chi phí nhân công	1.600.985.833.263	1.554.191.686.160
Chi phí thuê cửa hàng	976.247.636.864	946.703.280.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	533.611.582.459	534.844.364.481
Phân bổ chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa	305.129.468.200	264.915.594.789
Chi phí quảng cáo	70.089.322.580	79.048.679.073
Khấu hao và hao mòn	70.288.925.644	74.908.311.412
Phân bổ chi phí trước hoạt động	16.297.202.258	33.371.167.920
Chi phí khác	496.997.554.424	488.967.200.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.750.337.697.842</u></b>	<b><u>6.385.975.110.706</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51.571.269.874	28.974.095.587
Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm trước theo Biên bản Thanh tra thuế	581.369.997	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	337.400.000	(2.065.200.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.490.039.871</u></b>	<b><u>26.908.895.587</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	252.593.276.094	137.836.870.644
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	50.518.655.219	27.567.374.129
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.557.697.066	863.711.861
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Biên bản Thanh tra thuế	581.369.997	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	(167.682.411)	(18.390.403)
Điều chỉnh doanh thu theo chương trình khách hàng truyền thống	-	(1.503.800.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>52.490.039.871</u></b>	<b><u>26.908.895.587</u></b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	1.727.800.000	2.065.200.000	(337.400.000)	2.065.200.000
	<b><u>1.727.800.000</u></b>	<b><u>2.065.200.000</u></b>		
<b>(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>			<b><u>(337.400.000)</u></b>	<b><u>2.065.200.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con
Công ty TNHH Golden Gate Red Hots	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate	Công ty con
Công ty Cổ phần Golden Sakura	Công ty con
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân lực Golden Stars	Công ty con
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Gather Village	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	Công ty con
Công ty TNHH Golden Gate International	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty TNHH Hello Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	(đến ngày 25 tháng 9 năm 2025)
Ông Trần Việt Trung	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Xuân Tường	Cổ đông sáng lập/Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Thế Vinh	Cổ đông sáng lập/Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	Cổ đông sáng lập/Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Seletar Investments	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lychee	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Quince Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Thực phẩm W&E	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty TNHH Vostochnyi - Alyans Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty TNHH Combo Home Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất và Thương mại Hoàng Ân	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Two Kings Invest	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Thế giới di động	Bên liên quan của người nội bộ (đến ngày 27 tháng 4 năm 2025)

Các cá nhân khác là thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày ở Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.595.508.422	3.706.001.345
		Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	4.891.848.000	4.832.208.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Chia lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.160.250.000	1.505.000.000
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.361.649.819	10.582.672.049
		Mua hàng hóa	1.318.157.925	-
		Thu nhập từ thanh lý tài sản	782.380.552	-
		Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.199.744.000	2.905.620.417
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate	Công ty con	Góp vốn bằng tiền	33.000.000.000	93.414.567.078
		Mua hàng hóa, dịch vụ	621.193.328.046	510.966.401.114
		Doanh thu bán hàng hóa	492.780.911.301	395.048.481.677
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.600.000.000	4.558.915.855
		Cho vay	91.700.000.000	-
		Trả gốc và lãi vay	92.916.208.220	-
		Lãi cho vay	1.216.208.220	-
		Thu nhập từ thanh lý tài sản	490.561.827	-
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân Lực Golden Stars	Công ty con	Chia lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	906.150.000	1.263.000.000
Công ty TNHH Gather Village	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.830.613.338	1.461.665.843
		Mua tài sản	272.185.356	-
Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	Công ty con	Mua dịch vụ	811.322.942	-
Công ty TNHH Golden Gate International	Công ty con	Góp vốn	14.200.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Hello Việt Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.460.032.986	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.505.140.358	-
		Góp vốn	50.641.420.000	-
		Lãi cho vay	1.734.851.017	-
		Mua hàng hóa	522.951.673	-
		Thu nhập từ thanh lý tài sản	3.606.130.790	-
		Cho vay	32.542.360.946	-
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Rút vốn góp	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Golden Gate Red Hots	Công ty con	Góp vốn	1.571.057.640	-
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.988.745.210	11.302.148.282
		Thu nhập từ phí nhượng quyền	1.780.846.324	1.782.551.095
Công ty Cổ phần Thế giới di động	Bên liên quan của người nội bộ (đến ngày 27 tháng 4 năm 2025)	Mua dịch vụ	1.384.718.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay được trình bày tại Thuyết minh này, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (ngày 31 tháng 12 năm 2024: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.879.687.740	-
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	6.300.398.024	2.050.174.648
Công ty TNHH Hello Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.717.426.493	-
Công ty TNHH Golden Gate Red Hots	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.491.057.640	1.491.057.640
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.075.895.287	-
Công ty TNHH Gather Village	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.753.691.781
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.880.780.271	1.623.532.237
Công ty Cổ phần Thực phẩm W&E	Bên liên quan của người nội bộ	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	76.814.893	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>46.422.060.348</b>	<b>6.918.456.306</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>				
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate	Công ty con	Trả trước mua dịch vụ	21.440.814.886	-
Công ty TNHH Golden Gate Red Hots	Công ty con	Trả trước mua dịch vụ	80.000.000	80.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	Công ty con	Trả trước mua dịch vụ	-	194.487.439
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>21.520.814.886</b>	<b>274.487.439</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Chỉ tiêu số 135)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN	Công ty con	Cho vay (*)	29.222.360.946	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>29.222.360.946</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (Chỉ tiêu số 215)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN	Công ty con	Cho vay (*)	3.320.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.320.000.000</b>	<b>-</b>
(*) Đây là các khoản cho vay tín chấp Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN, công ty con của Công ty, với lãi suất 6%/năm và kỳ hạn từ 9 tháng đến 36 tháng theo từng hợp đồng vay.				
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN	Công ty con	Lãi dự thu	1.734.851.017	-
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Phải thu về chi hộ	440.510.130	-
Công ty TNHH Hello Việt Nam	Công ty con	Phải thu về chi hộ	124.957.906	-
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân lực Golden Stars	Công ty con	Phải thu về chi hộ	5.000.000	3.600.000
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Phải thu về chi hộ	5.000.000	3.600.000
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Phải thu về chi hộ	-	3.600.000
Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	Công ty con	Phải thu về chi hộ	-	2.976.262
Công ty Cổ phần Thực phẩm W&E	Bên liên quan của người nội bộ	Phải thu về chi hộ	-	135.646.122
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.310.319.053</b>	<b>149.422.384</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i></b>				
Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	400.195.826	-
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	13.202.955.909
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	173.250.000
Công ty Cổ phần Lychee	Bên liên quan của người nội bộ	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	13.996.800	61.080.528
Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động	Bên liên quan của người nội bộ (đến ngày 27 tháng 4 năm 2025)	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	113.637.622
Công ty Cổ phần Two Kings Invest	Bên liên quan của người nội bộ	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	50.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>414.192.626</b>	<b>13.600.924.059</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>				
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Nhận ứng trước	-	203.973.376
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>203.973.376</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i></b>				
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Phải trả khác	-	121.421.495
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn nhân lực Golden Stars	Công ty con	Phải trả khác	-	57.749.525
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>179.171.020</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Trần Việt Trung	Chủ tịch HĐQT	-	96.071.813
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.899.187.193	3.263.574.145
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	545.420.648
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>3.899.187.193</u></b>	<b><u>3.905.066.606</u></b>

**29. CÁC CAM KẾT**

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản cam kết với giá trị là 18.999.875.741 VND liên quan đến việc đầu tư xây dựng, cải tạo các nhà hàng phục vụ hoạt động của Công ty.

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty thuê địa điểm, mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	933.872.006.215	907.998.357.323
Từ 1 - 5 năm	1.769.548.050.010	1.976.023.091.054
Trên 5 năm	92.891.117.402	158.494.782.829
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.796.311.173.627</u></b>	<b><u>3.042.516.231.206</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thanh Trà  
Người lập



Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng


Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc

